



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG, ĐẠI HỌC THUỘC TỈNH VÀ VIỆC ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NƯỚC TA

PGS.TS. ĐẶNG BÁ LÃM - Viện KHGD Việt Nam

TS. NGÔ THỊ MINH - Ủy ban Văn hóa, Giáo dục
Thanh Thiếu niên, Nhi đồng của Quốc hội

Trường cao đẳng cộng đồng (CĐCĐ) là một thiết chế giáo dục ra đời ở Hoa Kì cách đây hơn một thế kỉ nhưng rất năng động trong việc gắn kết với cộng đồng và phục vụ cộng đồng, đặc biệt là trong việc đáp ứng nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng nhân lực đa dạng. Vì vậy, trường CĐCĐ đã phát triển rất nhanh ở Hoa Kì và lan tỏa sang nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam, trường CĐCĐ được du nhập vào Miền Nam từ năm 1971 và tồn tại đến khi giải phóng (1975). Tuy nhiên, do những nguyên nhân về tổ chức, tâm lí và xã hội, một số trường CĐCĐ đã nâng cấp lên đại học (ĐH) trực thuộc tỉnh. Một số tỉnh khác cũng đã thành lập trường ĐH thuộc tỉnh. Kết quả là đã có một hệ thống các trường ĐH địa phương ở nước ta. Các trường CĐCĐ và ĐH địa phương ở nước ta có sứ mệnh, chức năng và nhiệm vụ cũng như tổ chức và hoạt động tương tự nhau trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực, xây dựng xã hội học tập, đưa giáo dục ĐH đến với cộng đồng. *Bài viết này là sản phẩm của đề tài nghiên cứu VI 2.3 - 2013: "Nghiên cứu xây dựng và áp dụng mô hình trường ĐH cộng đồng ở Việt Nam đáp ứng nhu cầu nhân lực địa phương trong bối cảnh công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế" được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia - NAFOSTED.*

1. Từ trường CĐCĐ đến trường ĐH thuộc tỉnh

Loại hình trường CĐCĐ xuất hiện tại Hoa Kì cách đây hơn một trăm năm. Đầu thế kỉ XX, giáo dục ĐH Hoa Kì xuất hiện những trường ĐH ngắn hạn 2 năm ở các bang, làm nhiệm vụ đào tạo nhanh một lực lượng lao động có tay nghề, có kĩ năng chuyên môn, phục vụ kịp thời cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các trường này về sau gọi là trường CĐCĐ. Sau một thời gian ra đời, do tính thiết thực của mình, loại hình trường này nhanh chóng phát triển trong nhiều bang. Từ Hoa Kì, trường CĐCĐ được du nhập sang Canada, Pháp, Nhật, Hàn Quốc, Hồng Kông... Đến nay, trường CĐCĐ được rất nhiều nước đón nhận, vận dụng vào giáo dục ĐH. Nhiều nhà giáo dục đã ghi nhận đây là một trong những thành tựu của giáo dục thế giới thế kỉ XX.

Ở Việt Nam, trước năm 1975, ở trong vùng thuộc chính quyền Sài Gòn, trường CĐCĐ đã được thành lập từ năm 1971 dưới tên gọi "Viện ĐH cộng đồng". Lịch sử giáo dục ĐH Việt Nam tóm tắt có đoạn: "Trong vùng tạm chiếm ở miền Nam, hệ thống giáo dục ĐH được tổ chức thành những đơn vị tự trị gọi là Viện ĐH theo mô hình university của Pháp và sau đó chuyển dần theo mô hình university của Mĩ. Theo thống kê, năm học 1974-1975, có 4 viện ĐH công với 130.000 sinh viên (SV): Sài Gòn, Huế, Cần Thơ, Bách khoa Thủ Đức; 3 ĐH cộng đồng (đào tạo 2 năm, 2.600 SV): Nha Trang, Đà Nẵng, Mỹ Tho và 12 viện ĐH tư (30.000 SV)".[1]

Tuy thời gian tồn tại ngắn ngủi (chưa đủ 4 năm, từ 8/1971 đến 3/1975), nhưng 3 viện ĐH cộng đồng Tiền Giang (thành lập 1971), Nha Trang (thành lập 1971) và Đà Nẵng (thành lập 1973) đã phác họa sứ mệnh tương tự như trường CĐCĐ Bắc Mĩ.

Sau khi thống nhất đất nước, mô hình trường cộng đồng được nghiên cứu trở lại từ thời kì đổi mới (1986). Năm 1996, ADB đã tài trợ cho Viện Nghiên cứu ĐH & Giáo dục Chuyên nghiệp một dự án nghiên cứu thử nghiệm mô hình trường CĐCĐ ở 5 tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc trung ương, dưới đây gọi chung là tỉnh): Hà Tây, Hải Phòng, Thanh Hóa, Phú Yên và Đồng Tháp [2]. Sau một số năm nghiên cứu, năm 2000, nước ta nhận được sự trợ giúp của các chính phủ: Hà Lan, Canada, Pháp để thành lập một số trường CĐCĐ tại Hải Phòng, Hà Tây, Quảng Ngãi, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang và Đồng Tháp.

Theo tính chất, ở Hoa Kì: "Trường ĐH cộng đồng là những cơ sở giáo dục dựa trên cộng đồng, gắn với các nhóm cộng đồng, các nhà tuyển dụng, được mở ra để giúp cho nhiều SV Mĩ được sống gần với gia đình" [3]. Vận dụng vào nước ta, tại Hội thảo Việt Nam - Canada về trường ĐH cộng đồng năm 1993, Bộ GD&ĐT đã khái quát về trường CĐCĐ: "Đó là loại hình trường địa phương, được thành lập ra nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực về đào tạo (kể cả nghề sư phạm) của cộng đồng tại địa phương. Đây là loại trường đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực và được đào tạo theo nhiều chương trình khác nhau, từ dạy nghề với thời hạn vài tháng đến 2 năm; đào tạo cao đẳng 2-3 năm. Đặc biệt, CĐCĐ còn đào tạo theo các chương trình giai đoạn một của bậc ĐH, cấp chứng chỉ ĐH đại cương. Số ưu tú trong những SV đạt chứng chỉ ĐH đại cương được tuyển thẳng chuyển tiếp vào học các trường hoặc viện ĐH bảo trợ. Số còn lại sẽ được đào tạo thêm kiến thức nghề nghiệp để lấy chứng chỉ nghề hoặc văn bằng Cử nhân cao đẳng"[4].

Có thể thấy loại hình trường này có nơi gọi là "CĐCĐ", có nơi gọi là "ĐH cộng đồng". Ở mảnh đất khởi phát là Hoa Kì và các nước nói tiếng Anh khác (như Canada) người ta gọi các trường này là "Community College", khi chuyển sang tiếng Việt trước đây "College" có thể hiểu là "cao đẳng" hoặc "ĐH". Nhưng kể từ khi Việt Nam công bố Luật Giáo dục (1998, 2005, sửa chữa bổ sung 2009) [5] trong đó phân biệt trình độ cao đẳng đào tạo từ 3 năm trở xuống với trình độ ĐH đào tạo trên 3 năm thì loại hình trường này trong hệ thống giáo dục nước ta phải được gọi là "trường cao đẳng".

Sự khác biệt thứ hai của loại hình trường này so với ở Hoa Kì là ở nước ta các chương trình giai đoạn một của bậc ĐH (2 năm), cấp chứng chỉ ĐH đại cương không trở thành hiện thực. Vì vậy, các trường CĐCĐ không thể tổ chức đào tạo 2 năm ĐH đại cương, sau

đó chuyển tiếp SV đến một trường ĐH khác để hoàn thành chương trình ĐH hoàn chỉnh.

Sự khác biệt thứ ba khi áp dụng mô hình trường CĐCD ở Việt Nam là: Tuy trường CĐCD là trường đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực và được đào tạo theo nhiều chương trình khác nhau, từ dạy nghề với thời hạn vài tháng đến 2 năm; đào tạo cao đẳng 2-3 năm, nhưng ở các địa phương, bên cạnh trường CĐCD còn có các trường dạy nghề các cấp thuộc các bộ, ngành trung ương và thuộc tỉnh, các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và cấp huyện, các trung tâm học tập cộng đồng cấp xã. Các cơ sở giáo dục này đều tìm cách đáp ứng nhu cầu học tập, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng của cộng đồng dân cư địa phương và chia sẻ nhiều nhiệm vụ của trường CĐCD. Trong bối cảnh đó, các trường CĐCD đã có các biến thái khác nhau:

- Trong 5 trường cao đẳng cộng đồng đầu tiên được thành lập nói trên, hiện nay chỉ còn lại Trường CĐCD Hà Tây, Trường CĐCD Bà Rịa-Vũng Tàu và Trường CĐCD Đồng Tháp;

- Ở Tiền Giang, trường CĐCD là một trong các cơ sở thành lập Trường ĐH Tiền Giang thuộc tỉnh Tiền Giang;

- Trường CĐCD Trà Vinh được thành lập muộn hơn đã được nâng cấp thành Trường ĐH Trà Vinh thuộc tỉnh Trà Vinh;

- Một số tỉnh có dự định thành lập trường CĐCD như Thanh Hóa, Phú Yên đã không thành lập trường CĐCD mà thành lập trường ĐH thuộc tỉnh, đó là Trường ĐH Hồng Đức và Trường ĐH Phú Yên.

Hiện nay, một số trường CĐCD đang ấp ủ ý định hoặc đã xây dựng để án nâng cấp lên trường ĐH. Một số tỉnh khác đã nâng cấp các trường cao đẳng (sư phạm hoặc đa ngành) trực thuộc tỉnh thành trường ĐH. Thực tế và xu thế các trường CĐCD trở thành trường ĐH địa phương đang ngày càng rõ nét. Nguyên nhân của xu thế đó là ngoài các khó khăn trong việc phát triển trường CĐCD nói trên còn có tâm lý của lãnh đạo các tỉnh/thành phố muốn có trường ĐH thuộc địa phương mình và tâm lý dân cư trọng bằng ĐH hơn bằng cao đẳng.

2. Hệ thống các trường ĐH thuộc tỉnh ở nước ta hiện nay

Đến năm 2013, ở nước ta, kể từ Bắc vào Nam có các trường ĐH trực thuộc tỉnh sau: Trường ĐH Hùng Vương (Phú Thọ), Trường ĐH Hải Phòng, Trường ĐH Hải Dương, Trường ĐH Thái Bình, Trường ĐH Hoa Lư (Ninh Bình), Trường ĐH Tân Trào (Tuyên Quang), Trường ĐH Hồng Đức (Thanh Hóa), Trường ĐH Hà Tĩnh, Trường ĐH Quảng Bình, Trường ĐH Quảng Nam, Trường ĐH Phạm Văn Đồng (Quảng Ngãi), Trường ĐH Phú Yên, Trường ĐH Sài Gòn (TP. HCM), Trường ĐH Đồng Nai, Trường ĐH Thủ Dầu Một, Trường ĐH Tiền Giang, Trường ĐH Trà Vinh, Trường ĐH An Giang, Trường ĐH Bạc Liêu. Tổng cộng: 19 trường.

Thành lập sớm nhất là Trường ĐH Hồng Đức (năm 1997); các trường thành lập sau đó là: ĐH Hà Tĩnh, Phú Yên, Bạc Liêu, Sài Gòn, Hoa Lư (năm 2007). Nhìn chung, các trường ĐH thuộc tỉnh đều được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trường CĐ sư phạm địa phương hoặc từ trường CĐ cộng đồng có sáp nhập thêm một số cơ sở GD chuyên nghiệp khác thuộc sự quản lý của chính quyền tỉnh.[6]

Các trường ĐH thuộc tỉnh đào tạo đa ngành, đa cấp (cao học, ĐH, CĐ), trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục thường xuyên), đa lĩnh vực. Quy mô và trình độ đào tạo cao nhất có khác nhau tùy theo năng lực của mỗi trường và tùy theo nhu cầu nhân lực của mỗi địa phương. Các trường ĐH thuộc tỉnh hiện nay đang phát huy vai trò một trung tâm văn hóa, giáo dục - khoa học - công nghệ và phát triển cộng đồng của các địa phương mà các trường CĐ sư phạm, CĐ cộng đồng đã xây dựng nền tảng trước đó nhưng được nâng lên trình độ ĐH. Cụ thể, gọi đây là các trường ĐH địa phương. Hiện nay, khái niệm "trường đại học địa phương" xuất hiện không ít trên các diễn đàn hoặc trong các văn bản hội nghị, hội thảo về GDĐH của nước ta.

Ở Việt Nam, việc phân công quản lý được thực hiện theo ngành và theo lãnh thổ. Theo ngành thì có các cơ sở giáo dục chịu sự quản lý của ngành, tức là các bộ, còn theo lãnh thổ thì có các cơ sở giáo dục chịu sự quản lý của chính quyền địa phương. Ví dụ, trong giáo dục chuyên nghiệp có các trường trung cấp chuyên nghiệp trung ương (thuộc các bộ như Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn...) và các trường trung cấp chuyên nghiệp địa phương. Các trường CĐ cũng được quản lý tương tự. Ví dụ, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội do thành phố Hà Nội quản lý. Trước đây, trong giáo dục ĐH chỉ có các trường ĐH do các bộ quản lý, gần đây mới có các trường ĐH được thành lập ở các tỉnh và trực thuộc ủy ban nhân dân Tỉnh. Theo logic thông thường, các trường đó được gọi là trường ĐH địa phương.

Vậy "trường ĐH địa phương" được hiểu "là trường ĐH công lập cấp tỉnh của địa phương; có mục tiêu đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; có trình độ ĐH và các trình độ thấp hơn nhằm phục vụ nhu cầu nhân lực đáp ứng sự phát triển kinh tế, xã hội địa phương"[7]. Theo Vũ Ngọc Hải "Trường ĐH địa phương là một tổ chức giảng dạy và nghiên cứu khoa học đa ngành, đa trình độ bao gồm các khoa, các bộ môn, Trung tâm nghiên cứu, Trung tâm dịch vụ và các đơn vị khác có khả năng cấp được chứng chỉ chuyên môn, nghề nghiệp và các bằng trung cấp, cao đẳng, ĐH. Trường ĐH địa phương đào tạo nhân lực tại chỗ, là nơi tạo điều kiện thuận lợi cho con em ở địa phương, đặc biệt với những người nghèo có điều kiện để tiếp cận với GDĐH". Những trường này là trường đa cấp, đa ngành với chương trình ĐH, bồi dưỡng có bằng cấp và không có bằng cấp ngắn hạn từ vài tuần, vài tháng đến những chương trình dài hạn 2-3 năm, đồng thời còn cung cấp cả những dịch vụ giáo dục và chuyển giao công nghệ khác cho cộng đồng dân cư địa phương như bổ túc văn hóa, dạy nghề ngắn hạn, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, đào tạo lại và đào tạo chuyển tiếp nhằm đáp ứng yêu cầu học tập thiết thực cho con em cộng đồng dân cư địa phương [8].

Với cách định nghĩa nêu trên, có thể rút ra các đặc điểm của trường đại học địa phương như sau: 1/ Là trường ĐH công lập của địa phương (tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương); do địa phương đề nghị thành lập; vì sự phát triển nền kinh tế, xã hội của địa phương; 2/ Là trường ĐH được xếp vào nhóm thứ ba theo phân tầng chất lượng của quy hoạch phát triển GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020: trường ĐH cấp quốc gia;



trường ĐH cấp khu vực/cấp ngành; trường ĐH cấp địa phương; 3/ Là trường ĐH thực hiện đầy đủ các chức năng của một trường ĐCĐĐ.

3. Trường ĐCĐĐ và ĐH địa phương với việc đào tạo nhân lực

Hệ thống các trường ĐCĐĐ và ĐH địa phương đang thực hiện 3 chức năng tổng quát, đó là:

Thứ nhất, đào tạo đa lĩnh vực, đa ngành, đa cấp, đa hệ nhằm đáp ứng nhu cầu NNL cho địa phương có trình độ từ ĐH trở xuống.

Thứ hai, giáo dục thường xuyên giúp mọi người trong cộng đồng vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội, góp phần xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập ở địa phương.

Thứ ba, hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống của cộng đồng.

Trường ĐCĐĐ và ĐH địa phương là cơ sở đào tạo, thuộc hệ thống giáo dục ĐH và gắn với những động thái, nhịp sống cộng đồng, huy động các nguồn lực của cộng đồng, mở rộng đón nhận mọi thành viên đến từ cộng đồng. Tại thời điểm hiện nay, để đáp ứng kịp thời nhân lực phục vụ trực tiếp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhà trường cơ bản tập trung đào tạo trình độ cao đẳng và ĐH thực hành ứng dụng cũng như các trình độ thấp hơn, góp phần thực hiện sứ mệnh nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho cả nước và cho các địa phương.

Vấn đề phát triển hệ thống trường ĐCĐĐ và trường ĐH địa phương đã được Quốc hội, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia giáo dục trong, ngoài nước quan tâm và đánh giá cao. Mục đích của việc thành lập các trường ĐCĐĐ và ĐH địa phương là nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2011-2020 được thông qua tại Đại hội XI của Đảng xác định phát triển nguồn nhân lực là một trong ba đột phá. Trong mũi đột phá ấy, các trường ĐCĐĐ và ĐH địa phương giữ vai trò rất quan trọng. Trường ĐCĐĐ và ĐH địa phương mang tính xã hội hóa cao do gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tại địa phương; các chương trình đào tạo của trường được phát triển dựa trên khảo sát nhu cầu thực tiễn tại địa phương, do đó đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Số học sinh - SV ra trường có việc làm chiếm tỉ lệ rất cao. Có trường đạt tới 92% như trường ĐCĐĐ Đồng Tháp.

Trường ĐCĐĐ và trường ĐH địa phương kết hợp việc đào tạo chuyên nghiệp và đào tạo nghề, áp dụng quy trình đào tạo mềm dẻo, liên thông, kết hợp mô hình truyền thống với mô hình đa giai đoạn để tăng cơ hội học tập và phân tầng trình độ nhân lực. Để phát huy ưu thế của loại hình trường ĐCĐĐ và trường ĐH địa phương, cần có các quy định về quản lý và chính sách đầu tư riêng.

Thực trạng nguồn nhân lực nước ta trong những năm qua còn nhiều vấn đề cần quan tâm như: cơ cấu đào tạo bậc học, ngành nghề còn nhiều bất hợp lý, còn sự mất cân đối lớn về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu xã hội, cơ cấu vùng miền. Điểm nổi bật

nhất là hiện nay mới có gần 24 triệu người dưới 40 tuổi được học ở các loại trường học, trong khi đó còn khoảng 40 triệu người lao động có nhu cầu đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nhằm đáp ứng kịp thời sự đổi mới không ngừng của khoa học và công nghệ, nhưng còn thiếu cơ hội để học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Tuy đã hoàn thành xóa mù chữ trong cả nước vào năm 2000, nhưng số người trên 35 tuổi còn mù chữ khá nhiều (khoảng 1,7 triệu người ở độ tuổi trên 36 còn mù chữ) đặc biệt là phụ nữ và người lao động ở các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Trình độ kiến thức văn hóa, kĩ năng nghề nghiệp và trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin của người lao động ở nước ta còn thấp, bất cập trước yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa: 51,74% lao động có trình độ tiểu học; đội ngũ lao động có chuyên môn, kĩ thuật chưa đến 5 triệu người, chiếm 13,4% tổng số lực lượng lao động xã hội. Một bộ phận đông cán bộ chuyên môn kĩ thuật chưa đáp ứng với yêu cầu đổi mới công nghệ; Lực lượng lao động khoa học và công nghệ vừa thiếu, vừa không đồng bộ và không được sử dụng hợp lý; Số tri thức trình độ cao đó sắp nghỉ hưu. Năm 2010, chúng ta phải rất quyết tâm mới đạt được 200 SV/1 vạn dân, trong khi Thái Lan và Philipin đã đạt tỉ lệ 210 SV/1 vạn dân từ năm 2000.

Tình trạng thiếu việc làm ở thành thị và nông thôn vẫn còn nghiêm trọng. Phần lớn những người này không có chỗ học, không có kĩ năng nghề cần thiết, không được các nhà trường dạy cách tự tạo việc làm để lập thân, lập nghiệp; chưa được quan tâm thỏa đáng tới việc bồi dưỡng và đào tạo lao động để đáp ứng yêu cầu xuất khẩu lao động ngày càng lớn của cơ chế thị trường. Việc học văn hóa, học nghề của đa số người lớn tuổi, người nghèo cũng gặp nhiều khó khăn... Các loại hình giáo dục không chính quy, giáo dục ngoài nhà trường, giáo dục cho người lớn... chưa được coi trọng đúng mức, chưa được tổ chức thành một hệ thống có nội dung, phương pháp thích hợp, để đáp ứng linh hoạt, có hiệu quả theo nhu cầu của người học, đặc biệt sự bất hợp lý về vùng miền.

Ngoài ra, theo Lê Quang Minh, hệ thống giáo dục ĐH, cao đẳng của chúng ta có hai hạn chế khác đó là: "1/ Thiên về kinh điển, nặng lí thuyết, trong khi đó sự phát triển cộng đồng đòi hỏi có kiến thức rộng, liên ngành và thiên về thực hành hơn; 2/ Hướng đến phục vụ cho một thị trường lớn: Thị trường Nhà nước với máy móc trang thiết bị hiện đại, các nhà máy sản xuất lớn, các công ty nước ngoài. Trong khi đó ở giai đoạn hiện nay, loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ vừa và nhỏ đang phát triển mạnh. Những đơn vị này đang cần có lực lượng trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn, hiểu biết khoa học, công nghệ và năng động, sáng tạo trong lao động, sản xuất. Hệ thống giáo dục ĐH, cao đẳng của chúng ta đã bỏ ngỏ thị trường lao động rất lớn." [9].

Như vậy, nhiệm vụ đặt ra cho hệ thống giáo dục ĐH, cao đẳng của chúng ta là phải chiếm lĩnh thị trường lao động còn bỏ ngỏ ấy bằng việc xây dựng và phát triển một loại hình giáo dục mới: giáo dục cộng đồng [10], với mạng lưới trường ĐCĐĐ, ĐH địa phương, có phương thức hoạt động mang thuộc tính cộng đồng, đáp ứng kịp thời, thiết thực nhu cầu học tập, nâng cao trình độ về khoa học và công nghệ, tay nghề của người dân trong cộng đồng, phục vụ hiệu quả chuyển dịch cơ

cấu kinh tế - xã hội của các địa phương và cơ cấu nhân lực của cộng đồng.

4. Trường CĐCD, ĐH địa phương với những tác động khác

4.1. Phát triển trường CĐCD, ĐH địa phương gắn với xây dựng xã hội học tập

Xã hội học tập đã đi vào nước ta từ sau những năm 1990 theo xu thế giáo dục của thời đại và được Nghị quyết Đại hội X của Đảng ta chỉ rõ: *"Thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập"*. Khái niệm xã hội học tập là một xã hội ở đó ai cũng được học tập và tự học thường xuyên, suốt đời và ai cũng có trách nhiệm đối với việc học tập từ trong gia đình và ngoài xã hội. Trong xã hội học tập, hình thành mạng lưới giáo dục, đào tạo rộng khắp trong toàn quốc và mọi người đều học tập"[11].

Với nước ta, để xây dựng một xã hội học tập có rất nhiều vấn đề chúng ta cần quan tâm như: Chú trọng chuyển việc học để hiểu sang học để làm trong quá trình giáo dục, giảm tải dạy lý thuyết, chú trọng dạy kỹ năng thực hành, chuyển dạy kiến thức sang dạy tri thức, làm chuyển biến nhận thức toàn xã hội với quan niệm không vì đơn thuần theo bằng cấp, học vị mà học để phát triển hoàn thiện nhân cách, có đủ năng lực để không bị đào thải, không bị lạc hậu và có cơ hội phục vụ cộng đồng nhiều hơn, mở rộng các loại hình giáo dục do yêu cầu của cộng đồng, gần bó mật thiết với cộng đồng và hướng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng... Với quá trình phát triển xã hội học tập trên sẽ hướng chúng ta tới việc thiết lập xã hội tiến bộ hiện đại, xã hội tri thức, khi đó nền kinh tế nước ta mới có thể ngày càng hội nhập sâu rộng vào thị trường và vào nền kinh tế thế giới. Vì vậy, đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức hệ thống giáo dục như: Mở rộng quy mô đào tạo dưới nhiều hình thức chính quy, không chính quy (đặc biệt chú trọng loại hình trường CĐCD, ĐH địa phương; phương thức đào tạo hết sức mềm dẻo, linh hoạt với nhiều hình thức đào tạo khác nhau và việc tuyển sinh cần giao cho các trường chủ động thực hiện; hệ thống giáo dục ĐH nên chọn cách đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức liên ngành và thực hiện triệt để đào tạo theo chế độ tín chỉ, liên thông, chuyển tiếp trong nội bộ trường, với các trường trong vùng; việc đào tạo ngành nghề nào cần bám sát yêu cầu sử dụng lực lượng lao động trước mắt và đào tạo đón đầu thị trường nhân lực khoa học và công nghệ trong tương lai...

4.2. Phát triển trường CĐCD, ĐH địa phương gắn với xây dựng xã hội nghề nghiệp

Chúng ta nhận thấy, dưới tác động của thành tựu khoa học và công nghệ, hoạt động lao động gắn liền với năng lực nghề nghiệp. Người lao động chỉ có thể đứng vững trong thị trường lao động khi được trang bị, được đào tạo cơ bản, vững chắc ngành nghề đó theo sự phân công và theo yêu cầu lao động của xã hội. Khái niệm xã hội nghề nghiệp được hiểu là xã hội mà trong đó mọi người đến tuổi lao động đều được đào tạo ngành nghề theo năng lực bản thân đáp ứng yêu cầu sự phân công lao động xã hội. Xây dựng xã hội nghề nghiệp tức là chúng ta phải xây dựng xã hội trong đó mỗi thành viên được thụ hưởng nền giáo dục quan tâm phục vụ nhu cầu cộng đồng, thăng hoa cuộc sống của tất cả mọi người, ở mọi lứa tuổi và mọi hoàn

cảnh; làm cho mọi người trở thành hữu ích, chân giá trị và khơi dậy tiềm năng, thái độ và thói quen làm việc tại cộng đồng. Đây là phương thức đào tạo hiệu quả với thuộc tính cộng đồng của loại hình trường CĐCD, ĐH địa phương.

4.3. Phát triển trường CĐCD, ĐH địa phương gắn với phát huy sự đồng thuận xã hội

Trong chế độ xã hội dân chủ, đồng thuận được coi là một trong những giá trị chính trị cơ bản. Nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tinh thần này đã được phát huy trong suốt 20 năm đổi mới vừa qua, song vẫn còn tồn tại thế lực đi ngược lại giá trị chung của dân tộc, lợi dụng những khó khăn nhất thời, ngấm ngấm tác động vào một số ít quần chúng nhân dân gây chia rẽ, mất đoàn kết, làm giảm sút sự đồng thuận trong xã hội. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra cho các trường học nói chung và các trường CĐCD, ĐH địa phương nói riêng là phải xây dựng và phát triển môi trường nhằm nâng cao trình độ dân trí và trình độ đào tạo cho người dân trong cộng đồng được học để biết, để làm và để chung sống với nhau một cách hòa bình, thân thiện, biết chia sẻ với nhau. Phát triển trường CĐCD, ĐH địa phương là một giải pháp đưa giáo dục ĐH đến với cộng đồng, đến với các địa phương gần xa, tạo nên sự bình đẳng trong cơ hội tiếp nhận giáo dục ĐH, góp phần thúc đẩy nhanh sự tiến bộ của cộng đồng và phát huy sự đồng thuận xã hội của cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Giáo dục ĐH Việt Nam* (2004), NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Dang Ba Lam (1996), *Setting - Up a Community College Model in The Vietnamese Socio - economic Setting*, Case Studies in Education Research and Policy, ADB.
- [3]. Nguyễn Văn Thùy (1998), *Khái lược ĐH cộng đồng Hoa Kỳ*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1993), *Hội thảo Việt Nam - Canada về ĐH cộng đồng*, Hà Nội.
- [5]. CHXHCN Việt Nam, *Luật Giáo dục* (1998, 2005, sửa đổi, bổ sung 2009).
- [6]. Nguyễn Huy Vi (2009), *Nghiên cứu xây dựng mô hình trường CĐCD đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội địa phương ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Hà Nội.
- [7]. Đặng Bá Lãm, Nguyễn Huy Vi (2008), *Từ mô hình trường CĐCD đến mô hình trường ĐH địa phương trong việc xây dựng nền ĐH đại chúng ở Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo do Trường ĐH Hồng Đức và Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội phối hợp tổ chức vào ngày 04 và 05/12/2008, tại Thanh Hóa.
- [8]. Vũ Ngọc Hải, *Kỷ yếu hội thảo: Mô hình trường ĐH trực thuộc địa phương ở Việt Nam - Trường ĐH Hồng Đức và Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội phối hợp tổ chức vào ngày 04 và 05/12/2008, tại Thanh Hóa*.
- [9]. Lê Quang Minh (2001), *Hướng đi mới trong mô hình Giáo dục Việt Nam: CĐCD*.
- [10]. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [11]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại*

(Xem tiếp trang 24)